

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **331/2023/ST-HNGĐ**

Ngày: 17/7/2023

V/v *Tranh chấp xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà H

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn T H

Ông Phạm V B

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà T, Thư ký

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị M H - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1974

CMND/CCCD số: 001174018*** do Cục Cảnh sát QHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Số *, ngõ ** C, phường N, quận T, Thành phố Hà Nội.

(Bà T có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Trịnh Công T, sinh năm 1972

CMND/CCCD số 036072009*** do Cục Cảnh sát QHC về TTXH cấp ngày 11/4/2021; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Số *, ngõ ** C, phường N, quận T, Thành phố Hà Nội.

(Ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn xin ly hôn, bản tự khai, và các biên bản làm việc tại tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu T và ông Trịnh Công T đăng ký kết hôn ngày 13/01/2006 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận T, Thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống tại quận T, Hà Nội. Từ năm 2018 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm, lối sống không hợp thường xuyên xảy ra cãi cọ nên ảnh hưởng đến tâm lý của bà. Kể từ tháng 6/2020, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau và không cùng sống chung dưới một mái nhà. Bà T nhận thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn và không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông Trịnh Công T. Do vậy, bà Nguyễn Thu T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trịnh Công T để bà có điều kiện ổn định cuộc sống riêng, yên tâm chăm sóc giáo dục con chung.

Về con chung: Bà Nguyễn Thu T xác nhận bà và ông Trịnh Công T có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc Q, sinh ngày 05/10/2006. Sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Ngọc Q, cháu Q có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi ly hôn. Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/01 tháng, theo bà được biết thu nhập bình quân của ông T khoảng 15.000.000 đồng/01 tháng và trong khoảng thời gian 01 năm ông, bà ly thân, ông T vẫn gửi tiền nuôi con là 2.500.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thu T xác nhận bà và ông Trịnh Công T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thu T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các vấn đề khác: Bà Nguyễn Thu T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trịnh Công T: Trong toàn bộ quá trình giải quyết ông T không có mặt và cũng không gửi ý kiến hoặc trình bày gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thu T. Tòa án nhân dân quận T, Văn phòng thừa phát lại đã thực hiện việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho ông T theo quy định nhưng không gặp được, liên lạc điện thoại theo số điện thoại nguyên đơn cung cấp để tổng đạt văn bản thì ông T nghe một lần và không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã gửi văn bản đến tổ trưởng tổ dân phố tổng đạt, gọi điện theo số điện thoại nhưng ông T cũng từ chối, không tham gia hòa giải và các phiên họp, hòa giải tại Tòa án.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thu T đối với ông Trịnh Công T.

Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc Q, sinh ngày 05/10/2006 cho mẹ là bà Nguyễn Thu T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Trịnh Công T cấp dưỡng số tiền 2.500.000 đồng/tháng tính từ khi ly hôn đến khi con chung trưởng T hoặc khi có sự thay đổi khác. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ chung: Ông T, bà T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và bị đơn phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thu T xin ly hôn với ông Trịnh Công T là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Trịnh Công T; Nơi ở: Số *, ngõ ** C, phường N, quận T, Thành phố Hà Nội, quá trình giải quyết vụ án, ông T cố tình trốn tránh, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận T.

- Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định. Bị đơn ông T đã được Tòa án tổng đạt theo đúng quy định nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, việc ông T cố tình vắng mặt gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thu T xin ly hôn đối với ông Trịnh Công T thấy: Bà Nguyễn Thu T và ông Trịnh Công T kết hôn có tình cảm và đăng ký kết hôn ngày 13/01/2006 tại Ủy ban nhân dân phường N, quận T, Thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Ông, bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nhau và tháng 6/2020, ông Trịnh Công T đã chuyển ra ngoài và sống ly thân, nguyên nhân vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng lẫn nhau, nên thường nảy sinh những bất đồng. Vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng kết quả không thể hàn gắn được, nên bà T làm đơn xin ly hôn với ông T.

Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình chung sống của bà Nguyễn Thu T và ông Trịnh Công T đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân nhiều

năm, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Trịnh Công T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thu T xác nhận bà và ông Trịnh Công T có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc Q sinh ngày 05/10/2006. Ông Trịnh Công T không có ý kiến, cháu Trịnh Ngọc Q có nguyện vọng muốn được ở với mẹ nên giao cháu Trịnh Ngọc Q cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng T (đủ 18) tuổi hoặc khi có thay đổi khác là có căn cứ. Ông Trịnh Công T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Do đó ông Trịnh Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/01 tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng T (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Bà Nguyễn Thu T xác nhận bà và ông Trịnh Công T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về những vấn đề khác: Bà Nguyễn Thu T không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thu T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và ông Trịnh Công T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 277; Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thu T đối với ông Trịnh Công T. Bà Nguyễn Thu T được ly hôn ông Trịnh Công T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thu T và ông Trịnh Công T có 01 con chung là cháu Trịnh Ngọc Q, sinh ngày 05/10/2006. Giao cháu Q cho mẹ là bà Nguyễn Thu T chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng T (đủ 18) tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trịnh Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn

đồng/01 tháng), kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng T (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Ông Trịnh Công T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà ở, và vay nợ chung: Bà Nguyễn Thu T và ông Trịnh Công T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về những vấn đề khác: Bà Nguyễn Thu T và ông Trịnh Công T không có yêu cầu gì khác.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0008*** ngày 17/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hà Nội .

Ông Trịnh Công T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thu T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Công T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận T;
- Chi Cục THADS T;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

H